TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2023/DS-ST
Ngày: 17-5-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nam;
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Huy Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 497/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXX-ST ngày 03/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 576/2023/QĐST-DS ngày 24/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng P;**

Địa chỉ: 25 Bis N, phường B, Quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1992 (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/02/2022).

Địa chỉ: 108/20/6, khu phố 3, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Chu Thị Bích T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Lô 9, tổ 6, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng P do người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Lệ T trình bày:

1. Ngân hàng P đã cho bà Chu Thị Bích T vay tổng số tiền 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng số 29320/20MN/HĐTD ngày 14/9/2020, hợp đồng tín dụng số 21195/21MN/HĐTD ngày 24/5/2021 và hợp đồng tín dụng số 39512/21MN/HĐTD ngày 15/9/2021; Mục đích cho vay: Bổ sung vốn sửa chữa nhà ở - Bổ sung vốn mở rộng kinh doanh quán cháo, gỏi gà vịt – Bổ sung vốn kinh doanh mua bán bưởi; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần theo hạn mức tín dụng; Thời hạn giải ngân: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Thời hạn cho vay: Được ghi trên mỗi Khế ước nhận nợ; Lãi suất cho vay: Được quy định chi tiết trong từng Khế ước nhận nợ.

Để thực hiện các Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, Ngân hàng P đã giải ngân cho bà Chu Thị Bích T bằng 03 Khế ước nhận nợ như sau: Khế ước số 29320/20MN/HĐTD/KUNN01, Ngày giải ngân 16/9/2020, Số tiền giải ngân: 500.000.000 đồng, Phương thức giải ngân: Bằng tiền mặt, người nhận tiền là bà Chu Thị Bích T, Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 11%/năm, cố định trong 01 năm đầu tiên, sau đó điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất(%/năm) = LS13 + 4,00%/năm, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm; Khế ước số 21195/21MN/HĐTD/KUNN01, Ngày giải ngân 25/5/2021, Số tiền giải ngân: 300.000.000 đồng, Phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Thị H số 147704070014699 tại Ngân hàng P PGD T, Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 11%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất(%/năm) = LS13 + 4,50%/năm, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm; Khế ước số 39512/21MN/HĐTD/KUNN01, Ngày giải ngân 15/9/2021, Số tiền giải ngân: 1.000.000.000 đồng, Phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Yến T số 147704070013953 tại Ngân hàng P PGD T, Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 11%/năm, cố định trong 01 năm đầu tiên, sau đó điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất(%/năm) = LS13 + 4,00%/năm, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

2. Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm sau:

Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Chu Thị Bích T theo Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20154/20MN/HĐBĐ ngày 14/9/2020, được công chứng tại Văn phòng công chứng H (tỉnh Đ) ngày 14/9/2020, số công chứng 000146; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ ngày 14/9/2020.

Tài sản thế chấp tọa lạc tại địa chỉ sau: Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 68, địa chỉ: Xã T, huyện Đ, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 095304 do Uỷ ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 04/12/2013, cập nhật chuyển nhượng cho bà Chu Thị Bích T ngày 20/4/2020.

3. Sự kiện vi phạm và dư nợ:

Bà Chu Thị Bích T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Bà T mới chỉ thanh toán cho ngân hàng được số tiền nợ gốc 62.550.198 đồng, nợ lãi trong hạn 99.980.352 đồng, lãi phạt 136.599 đồng và sau đó khách hàng đã không trả gốc, lãi cho Ngân hàng khi khoản vay đến hạn ngày 25/12/2021, kể từ ngày 25/12/2021 cho đến nay, mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện nhưng đến nay bà Chu Thị Bích T vẫn không trả được nợ cho Ngân hàng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau, buộc:

- Bà Chu Thị Bích T phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng P với tổng số tiền tính đến ngày 17/5/2023 là 2.093.281.653 đồng, trong đó vốn gốc 1.737.449.802 đồng, lãi trong hạn 203.368.761 đồng, lãi quá hạn 152.463.090 đồng.

- Bà Chu Thị Bích T còn phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng P tính kể từ ngày 18/5/2023 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Nếu bà Chu Thị Bích T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Chu Thị Bích T tại thửa đất số 230 thuộc tờ bản đồ số 68, địa chỉ: xã TT, huyện Đ, tỉnh Đ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của bà Chu Thị Bích T đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của bà Chu Thị Bích T vẫn có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Do bận công việc nên bà đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn bà Chu Thị Bích T đã được tống đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về việc cung cấp tài liệu chứng cứ, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, đối chiếu các quy định của pháp luật; có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí và chi phí tố tụng, bị đơn bà Chu Thị Bích T phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tố tụng:

- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng P khởi kiện bà Chu Thị Bích T thực hiện nghĩa vụ trả nợ thanh toán tiền nợ gốc và lãi trong hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xác Ngân hàng P là nguyên đơn, bà Chu Thị Bích T là bị đơn. Căn cứ khoản 14, 16 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Chu Thị Bích T có cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục tố tụng khác: Bà Trần Thị Lệ T có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận; Bà Chu Thị Bích T đã được

tống đạt (niêm yết) hợp lệ 02 lần (quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và quyết định hoãn phiên tòa) nhưng vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của Ngân hàng P về nợ gốc: Ngân hàng P với bà Chu Thị Bích T có ký hợp đồng cấp tín dụng 29320/20MN/HĐTD ngày 14/9/2020, số 21195/21MN/HĐTD ngày 24/5/2021 và số 39512/21MN/HĐTD ngày 15/9/2021; Khế ước nhận nợ số 29320/20MN/HĐTD/KUNN01 ngày 16/9/2020; số 21195/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 25/5/2021 và số 39512/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 15/9/2021 cho bà T vay tổng số tiền 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) để sử dụng vào mục đích Bổ sung vốn sửa chữa nhà ở - Bổ sung vốn mở rộng kinh doanh quán cháo, gỏi gà vịt – Bổ sung vốn kinh doanh mua bán bưởi. Theo trình bày của người đại diện nguyên đơn, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên thì ngày 25/12/2021, khoản vay lần lượt đáo hạn, nhưng bà Chu Thị Bích T mới chỉ thanh toán được số tiền 62.550.198 đồng cho Ngân hàng P. Do đó, tính kể từ ngày 26/12/2021, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán sang nợ quá hạn. Mặc dù, nguyên đơn đã tạo điều kiện trả nợ số tiền mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Chu Thị Bích T phải thanh toán số nợ gốc 1.737.449.802 đồng (Một tỷ bảy trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm lẻ hai đồng) phù hợp với hợp đồng tín dụng các bên đã ký. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nợ gốc của nguyên đơn.

2.2. Xét yêu cầu về tiền lãi: Căn cứ vào hợp đồng cấp tín dụng số 29320/20MN/HĐTD ngày 14/9/2020 và số 39512/21MN/HĐTD ngày 15/9/2021; Khế ước nhận nợ số 29320/20MN/HĐTD/KUNN01 ngày 16/9/2020 và số 39512/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 15/9/2021, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể là 11%/năm, cố định trong 01 năm đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, Lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Căn cứ vào hợp đồng cấp tín dụng số 21195/21MN/HĐTD ngày 24/5/2021 và Khế ước nhận nợ số 21195/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 25/5/2021, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể là 11%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, Lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Kể từ thời điểm giải

ngân đến ngày 25/12/2021, bà T mới chỉ thanh toán được số tiền nợ lãi trong hạn 99.980.352 đồng, lãi phạt 136.599 đồng. Sau đó, khoản vay lần lượt đáo hạn nhưng bà Chu Thị Bích T vẫn không trả nợ cho Ngân hàng P. Tính kể từ ngày 26/12/2021, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán của 03 Khế ước nhận nợ trên sang nợ quá hạn. Do đó, xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng P về khoản tiền lãi, tính đến ngày 17/5/2023 là lãi trong hạn 203.368.761 đồng, lãi quá hạn 152.463.090 đồng.

Căn cứ Điều 4, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P. Buộc bà Chu Thị Bích T phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 2.093.281.653 đồng (Hai tỷ không trăm chín mươi ba triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng), trong đó vốn gốc 1.737.449.802 đồng, lãi trong hạn 203.368.761 đồng, lãi quá hạn 152.463.090 đồng.

2.3. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20154/20MN/HĐBĐ ngày 14/9/2020, được công chứng tại Văn phòng công chứng H (tỉnh Đ) ngày 14/9/2020, số công chứng 000146; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ ngày 14/9/2020. Tài sản bị đơn thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nói trên là 01 (một) quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cụ thể: Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 68, địa chỉ: Xã T, huyện Đ, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 095304 do Uỷ ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 04/12/2013, cập nhật chuyển nhượng cho bà Chu Thị Bích T ngày 20/4/2020.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì thửa đất số 230, tờ bản đồ số 68, địa chỉ: Xã T, huyện Đ, tỉnh Đ chỉ có một số cây chuối (đã có thu hoạch), không có công trình, tài sản gì trên đất và không có nhân khẩu nào đang sinh sống trên thửa đất nói trên. Hiện trạng thửa đất hiện nay không có gì thay đổi so với lúc thế chấp cho Ngân hàng P. Xét việc thế chấp tài sản đảm bảo khoản vay giữa nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định pháp luật nên chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng P đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 68, địa chỉ: Xã T, huyện Đ, tỉnh Đ trong trường hợp bà Chu Thị Bích T không có khả năng thanh toán số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng P.

2.4. Đối với yêu cầu của Ngân hàng P buộc bà T tiếp tục trả tiền lãi, lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ đến ngày trả hết nợ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

2.5. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Chu Thị Bích T phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền chi phí xem

xét thẩm định tại chỗ và đăng trên phương tiện thông tin đại chúng. Do nguyên đơn đã đóng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đăng trên phương tiện thông tin đại chúng, do đó buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 157, 158, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, 90, 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Các điều 116, 117, 385, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P đối với bà Chu Thị Bích T về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Chu Thị Bích T phải trả cho Ngân hàng P số tiền tạm tính đến ngày 17/5/2023 là 2.093.281.653 đồng (Hai tỷ không trăm chín mươi ba triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng), trong đó vốn gốc 1.737.449.802 đồng, lãi trong hạn 203.368.761 đồng, lãi quá hạn 152.463.090 đồng.

Tài sản bảo đảm thi hành án gồm: 01 (một) quyền sử dụng đất tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 68, địa chỉ: Xã T, huyện Đ, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 095304 do Uỷ ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 04/12/2013, cập nhật chuyển nhượng cho bà Chu Thị Bích T ngày 20/4/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường

hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chính lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Chu Thị Bích T có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 5.803.000 đồng (Năm triệu tám trăm lẻ ba nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng P.

3. Về án phí: Bà Chu Thị Bích T phải chịu 73.865.633 đồng (Bảy mươi ba triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng P số tiền 32.760.847 đồng (Ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003390 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng P, bà Chu Thị Bích T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP.Biên Hoà;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Biên Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thị Hòa